**TÀI CHÍNH CÔNG  ©.**

**Câu 1: Đặc điểm của tài chính công là?**

A.Sở hữu công

B. Quản lí theo  luật công

C. Phục vụ lợi ích công công

D. Tất cả đều đúng.

**Câu 2: “ Công” trong tài chính công có nghĩa là?**

A. Công nghiệp

B.  Công ty

C. Công việc

D. Công công

**Câu 3: Cùng xuất hiện và tồn tại đồng thời với nhà nước là?**

A. Tài chính

B.  Tài chính Nhà Nước

C. Thuế

D. Tiền tệ

**Câu 4: Tài chính nhà nước là?**

A. Một khu vực tài chính

B.  Một lĩnh vực tài chính

C. Một hệ thống tài chính

D. Một khâu tài chính

**Câu 5: Điều kiện cơ bản để tài chính Nhà nước xuất hiện và tồn tại là có nhà nước cùng với một yêu cầu nữa là?**

A. Quân đội

B.  Luật pháp

C. Tiền tệ

D. Toà án

**Câu 6: Tài chính Nhà nước xuất hiện đầu tiên trong lịch sử ở chế độ?**

A. Cộng sản nguyên thuỷ

B.  Nô lệ

C. Phong kiến

D. Tư bản

**Câu 7: Tài chính Nhà nước xuất hiện ở Việt Nam từ thời ?**

A. Các vua Hùng

B.  Nhà Lý

C. Pháp đô hộ Việt Nam

D. Sau cách mạng Tháng 8/1945

**Câu 8: Chủ thể của Tài chính Nhà nước là ?**

A. Các cơ quan công quyền Nhà nước

B.  Các cơ quan đơn vị thuộc khu vực Nhà nước ngoài bộ máy Nhà nước

C. Cả A & B

**Câu 9: Các quỹ tiền tệ thuộc Tài chính Nhà nước là:**

A. Các quỹ tiền tệ tập trung

B.  Các quỹ tiền tệ không tập trung

C. Cả A & B

**Câu 10: Có mấy loại quan hệ tiền tệ thuộc Tài Chính Nhà nước**

A. 2

B.  3

C. 4

D. 5

**Câu 11: Xét theo quá trình hình thành và phát triển, thứ tự xuất hiện các bộ phận của Tài Chính Nhà nước là ?**

A. (i) Tài chính của các công quyền; (ii) Tài chính của các cơ quan đơn vị thuộc khu vực Nhà nước; (iii) Tài chính Nhà nước tổng hợp

B.  Ba bộ phận trên cùng xuất hiện một lúc

C. Tài chính nhà nước tổng hợp xuất hiện đầu tiên; Hai bộ phận còn lại xuất hiện  đồng thời sau

D. Không xác định được

**Câu 12:  Trong điều kiện kinh tế thị trường, bộ phận Tài chính của các cơ quan đơn vị thuộc khu vực Nhà nước có xu hướng:**

A. Ổn định

B.  Giảm

C. Mở rộng

D. Không còn nữa

**Câu 13: Tài chính Nhà nước tổng hợp là bộ phận:**

A. Xuất hiện đầu tiên trong Tài chính Nhà nước

B.  Phát huy tác dụng ở tầm vĩ mô

C. Gắn với các quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước

D. Cả B & C

**Câu 14:  Tài chính Nhà nước có… vai trò cơ bản ?**

A. 2

B.  3

C. 4

D. 5

**Câu 15: Vai trò truyền thống của Tài chính Nhà nước là đàm bảo điều kiện vật chất để duy trì sự tồn tại và hoạt động bình thường của:**

a.  Các cơ quan đơn vị thuộc khu vực Nhà nước

b.  Bộ máy nhà nước

c.  Hệ thống chính trị

d.  Quân đội

**Câu 16: Trong lịch sử, Ngân sách Nhà nước xuất hiện đầu tiên ở chế độ:**

a.  Quân chủ tập quyền

b.  Quân chủ lập hiến

c.  Tư bản chủ nghĩa

d.  Xã hội chủ nghĩa

**Câu 17: Trên thế giới, ngân sách nhà nước xuất hiện đầu tiên tại:**

a.  Mỹ

b.  Nhật

c.  Anh

d.  Pháp

**Câu 18: Ở Việt Nam, ngân sách nhà nước xuất hiện lần đầu trong chế độ**

a.  Nhà Lý

b.  Nhà Tây Sơn

c.  Nhà Nguyễn

d.  Pháp đô hộ

**Câu 19: Ngân sách Nhà nước thuộc bộ phận**

a.  Tài chính của các cơ quan công quyền Nhà nước

b.  Tài chính của các cơ quan đơn vị thuộc khu vực Nhà nước

c.  Tài chính Nhà nước tổng hợp

d.  Độc lập với 3 bộ phận trên

**Câu 20: Phần ngân sách là:**

a.  Phần quỹ ngân sách mà cấp chính quyền được hưởng

b.  Các chính quyền không phải chịu trách nhiệm tạo lập và cân đối

c.  Luôn ở 1 mức cố định

d.  Cả A & B

**Câu 21: Cấp ngân sách là**

a.  Phần ngân sách

b.  cấp chính quyền phải chịu trách nhiệm tạo lập và cân đối

c.  Độc lập tương đối trong hệ thống ngân sách Nhà nước

d.  Tất cả tương đối trong hệ thống ngân sách nhà nước

**Câu 22: Trong lịch sử có tất cả… mô hình tổ chức hệ thống ngân sách:**

a.  1

b.  2

c.  3

d.  4

**Câu 23: Tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước của Việt Nam hiện nay:**

a.  Một mô hình hoàn chỉnh đã có trong lịch sử

b.  Mang tính chất của hai mô hình

c.  Một mô hình hoàn toàn mới, chưa có trong lịch sử

d.  Không xác định được

**Câu 24: Gắn với các cấp chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay có:**

a.  Phần ngân sách

b.  Cấp ngân sách hoàn chỉnh

c.  Cấp quản lí ngân sách

d.  Không xác định được

**Câu 25: Các hành vi thuộc thu NSNN có… nhóm:**

a.  2

b.  3

c.  4

d.  5

**Câu 26: Thu NSNN được thực hiện dựa trên các quyền lực ( sức mạnh ) … của  nhà nước:**

a.  Chính trị

b.  Kinh tế

c.  Vũ lực

d.  Cả 3

**Câu 27: Nhà nước có quyền lực kinh tế vì:**

a.  Có quân đội mạnh

b.  Sở hữu các tài sản quốc gia quan trọng

c.  Có máy in tiền

d.  Có nhiều chuyên gia kinh tế giỏi

**Câu 28: Nguồn thu của NSNN là:**

a.  Tổng số tiền mà Nhà nước thu được

b.  Tổng số tiền có trong lưu thông

c.  Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) vừa được tạo ra

d.  Cả 3 phương án trên đều đúng

**Câu 29: Thu nhập của NSNN là**

a.  Số thu ngân sách

b.  Kết quả của quá trình thu

c.  Một bộ phận của nguồn thu

d.  Tất cả đều đúng

**Câu 30: Hình thức thu chủ yếu của NSNN ta hiện nay là:**

a.  Thuế

b.  Phí

c.  Lệ phí

d.  Tiền phạt

**Câu 31: Khi đăng kí xe máy, người chủ phải nộp một khoản trước bạ. Khoản đó là:**

a.  Thuế

b.  Phí

c.  Lệ phí

d.  Tiền phạt

**Câu 32: Ở Việt Nam hiện nay sắc thuế này chưa quy định thành luật:**

a.  Thuế giá trị giá tăng

b.  Thuế thu nhập doanh nghiệp

c.  Thuế xuất khẩu, nhập khẩu

d.  Thuế thu nhập cá nhân đánh vào người có thu nhập cao

**Câu 33: Phí và lệ phí ở Việt Nam được quy định bằng:**

a.  Luật

b.  Pháp lệnh

c.  Nghị định của chính phủ

d.  Quyết định của Thủ Tướng

**Câu 34: Thuế quan là**

a.  Thuế xuất khẩu

b.  Thuế nhập khẩu

c.  Thuế tiêu thụ đặc biệt

d.  Cả A & B

**Câu 35: Chi NSNN bao gồm…bước:**

a.  2

b.  3

c.  4

d.  5

**Câu 36: Chi trả nợ của NSNN là:**

a.  Chi thường xuyên

b.  Chi đầu tư

c.  Chi không thường xuyên

d.  Không xác định được

**Câu 37: Theo quan điểm của Kinh tế học công cộng, chi NSNN gồm có… nội dung chi  lớn:**

a.  3

b.  4

c.  5

d.  6

**Câu 38: Nội dung chi quan trọng nhất của NSNN là để cung cấp:**

a.  Dịch vụ công cộng vô hình thuần tuý

b.  Dịch vụ công cộng hữu hình

c.  Hàng hoá công cộng

d.  Hàng hoá dịch vụ cá nhân

**Câu 39: Nội dung nào không thuộc chu trình quản lí ngân sách**

a.  Lập ngân sách

b.  Chấp hành ngân sách

c.  Kế toán ngân sách

d.  Quyết toán ngân sách

**Câu 40: So với chi trình ngân sách, năm ngân sách:**

a.  Ngắn hơn

b.  Dài hơn

c.  Bằng nhau

d.  Không xác định được

**Câu 41: Năm ngân sách vừa quan tổng chi ngân sách lớn hơn tổng thu, tức là ngân sách đã:**

a.  Thặng dư

b.  Thâm hụt

c.  Cân đối

d.  Không xác định được

**Câu 42: Thâm hụt chủ động là do:**

a.  Lạm phát tăng cao

b.  Nhà nước muốn mở rộng giới hạn ngân sách

c.  Nền kinh tế suy thoái

d.  Mở cửa hội nhập quốc tế

**Câu 43: Thiên tai đã gây ra thâm hụt ngân sách. Đó là:**

a.  Thâm hụt chủ động

b.  Thâm hụt cơ cấu

c.  Thâm hụt chu kì

d.  Không xác định được

**Câu 44: Trong những năm gần đây thâm hụt ngân sách của Việt Nam khoảng 5% GDP. Chủ yếu là:**

a.  Thâm hụt bị động

b.  Thâm hụt chủ động

c.  Thâm hụt chu kì

d.  Không xác định được

**Câu 45: Giải pháp cơ bản nhất để bù đắp thâm hụt ngân sách ở Việt Nam hiện nay là:**

a.  Phát hành

b.  Cắt giảm chi đầu tư

c.  Vay nợ

d.  Ban hành thêm nhiều sắc thuế mới

**Câu 46: Cơ quan hành chính Nhà nước là cơ quan thực hiện:**

a.  Quyền lập pháp của Nhà nước

b.  Quyền hành pháp của Nhà nước

c.  Quyền tư pháp của Nhà nước

d.  Cả 3 quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp

**Câu 47: Ở Việt Nam, cơ quan hành chính Nhà nước:**

a.  Trực tiếp thuộc cơ quan quyền lực nhà nước

b.  Gián tiếp trực thuộc cơ quan quyền lực nhà nước

c.  Trực tiếp hoặc gián tiếp trực thuộc cơ quan quyền lực nhà nước

d.  Không trực thuộc cơ quan quyền lực nhà nước

**Câu 48: Cơ quan hành chính nhà nước thực hiện chức năng quản lí nhà nước theo:**

a.  Lãnh thổ

b.  Lĩnh vực

c.  Lãnh thổ hoặc lĩnh vực

d.  Cả A, B & C đều sai

**Câu 49:  Cơ quan hành chính nhà nước**

a.  Không được thu bất kì một khoản thu nào

b.  Được phép thu một khoản thu nhất định theo quy định của Pháp luật

c.  Được phép tự xác định một số khoản thu theo nhu cầu hoạt động

d.  Được phép tự xác định mức thu của một số khoản thu theo nhu cầu hoạt động

**Câu 50: Kinh phí hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước**

a.  Được nhà nước cấp toàn bộ

b.  Chỉ được nhà nước cấp một phần

c.  Do cơ quan hành chính nhà nước tự huy động trên thị trường

d.  Do cơ quan hành chính nhà nước thu của các đối tượng thụ hưởng dịch vụ mà cơ quan cung cấp

**Câu 51: Cơ quan hành chính nhà nước chủ yếu cung cấp:**

a.  Các sản phẩm hữu hình phục vụ cho tổng cá nhân

b.  Các sản phẩm hữu hình phục vụ cho nhiều người

c.  Các sản phẩm vô hình phục vụ cho từng cá nhân

d.  Các sản phầm hữu hình và vô hình phục vụ chung cho nhiều người

**Câu 52: Hiệu quả của chi NSNN cho quản lí hành chính:**

a.  Không thể đo lường được

b.  Có thể đo lường, nhưng rất khó khăn

c.  Có thể đo lường  một cách dễ dàng

**Câu 53: Khoản kinh phí tiết kiệm do thực hiện chế độ tự chủ tài chính được cơ quan hành chính nhà nước:**

a.  Nộp toàn bộ

b.  Nộp một phần và NSNN

c.  Bổ sung một phần và quỹ lương để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức

d.  Chuyển thành kinh phí hoạt động năm sau

**Câu 54: Nhận định nào sau đây là chính xác: chỉ mua sẵn tài sản cố định của một cơ quan hành chính nhà nước**

a.  Được nhà nước cấp và thực hiện chế độ tự chủ tài chính

b.  Được nhà nước cấp và không thực hiện chế độ tự chủ tài chính

c.  Không được nhà nước cấp

d.  Được lấy từ khoản tiết kiệm do thực hiện chế độ tự chủ tài chính

**Câu 55: Nhận định nào sau đây là chính xác?**

a.  Không được nhà nước cấp kinh phí và tài sản để hoạt động

b.  Được phép thực hiện một số khoản thu nhất định theo quy định của pháp luật

c.  Không được phép tự xác định khoản thu, mức thu theo nhu cầu hoạt động của đơn vị

**Câu 56: Đơn vị sự nghiệp nhà nước hoạt động theo nguyên tắc**

a.  Vì mục tiêu lợi nhuận

b.  Không vì mục tiêu lợi nhuận

c.  Kết hợp giữa mục tiêu lợi nhuận và mục tiêu phi lợi nhuận

d.  cả A, B & C đều đúng

**Câu 57: Đơn vị sự nghiệp nhà nước chủ yếu cung cấp:**

a.  Các dịch vụ hữu hình phục vụ cho từng cá nhân

b.  Các dịch vụ hữu hình và có thể dùng chung cho nhiều người

c.  Các dịch vụ vô hình phục vụ cho từng cá nhân

d.  Các dịch vụ vô hình và có thể dùng chung cho nhiều người

**Câu 58: Mức tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên của đơn vị sự nghiệp nhà nước là tỉ số giữa:**

a.  Tổng số chi hoạt động thường xuyên với tổng số nguồn thu sự nghiệp

b.  Tổng số nguồn thu sự nghiệp với tổng số chi hoạt động thường xuyên

c.  Tổng số nguồn thu với tổng số kinh phí hoạt động

d.  Tổng số kinh phí hoạt động với tổng số nguồn thu

**Câu 59: Nguồn kinh phí hoạt động của đơn vị sự nghiệp nhà nước**

a.  Do NSNN cấp toàn bộ

b.  Do NSNN cấp một phần

c.  Không được NSNN cấp

d.  Hoàn toàn do đơn vị tự thu

**Câu 60: Đơn vị sự nghiệp nhà nước tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên:**

a.  Được nhà nước cấp toàn bộ kinh phí hoạt động

b.  Được nhà nước cấp một phần kinh phí hoạt động thường xuyên

c.  Không được nhà nước cấp kinh phí hoạt động thường xuyên

d.  Phải nộp vào NSNN toàn bộ số thu sự nghiệp mà đơn vị đã thu được

**Câu 61: Đơn vị sự nghiệp nhà nước tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên:**

a.  Được nhà nước cấp toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên

b.  Được nhà nước cấp một phần kinh phí hoạt động thường xuyên

c.  Không được nhà nước cấp kinh phí hoạt động thường xuyên

d.  Phải nộp vào NSNN toàn bộ số thu sự nghiệp mà đơn vị đã thu được

**Câu 62: Nhận định nào sau đây là chính xác:**

a.  Nhà nước không cấp kinh phí xây dựng cơ bản cho đơn vị sự nghiệp nhà nước tụ đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên

b.  Nhà nước không cấp kinh phí xây dựng cơ bản cho đơn vị sự nghiệp nhà nước tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên

c.  Nhà nước cấp kinh phí xây dựng cơ bản cho đơn vị sự nghiệp nhà nước tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên, mà không cấp cho đơn vị tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên

d.  Nhà nước cấp kinh phí xây dựng cơ bản cho cả 2 loại đơn vị sự nghiệp nhà nước tự đảm bảo và tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên

**Câu 63: Các đơn vị sự nghiệp nhà nước hiện nay không được phép:**

a.  Vay vốn của các tổ chức tín dụng

b.  Huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị

c.  Tiếp nhận viện trợ từ nước ngoài

d.  Phát hành cổ phiếu

**Câu 64: Chi lương của một số đơn vị sự nghiệp nhà nước được xếp vào:**

a.  Chi đầu tư phát triển

b.  Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất

c.  Chi thường xuyên

d.  Chi thực hiện nghiệp vụ

**Câu 65: Chi sửa chữa lớn tài sản cố định của một đơn vị sự nghiệp nhà nước được xếp vào:**

a.  Chi đầu tư phát triển

b.  Chi thực hiện nghiệp vụ

c.  Chi thường xuyên

d.  Chi sản xuất, cung ứng dịch vụ

**Câu 66: Thu từ khám, chữa bệnh của một bệnh viện công lập được xếp vào:**

a.  Nguồn kinh phí thường xuyên do NSNN cấp

b.  Nguồn kinh phí xây dựng cơ bản do nhà nước cấp

c.  Nguồn thu sự nghiệp

d.  Nguồn thu khác

**Câu 67:  Khoản chi mua sắm tài sản cố định của một đơn vị sự nghiệp nhà nước được xếp vào:**

a.  Chi thực hiện nghiệp vụ

b.  Chi thường xuyên

c.  Chi đầu tư phát triển

d.  Chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ

**Câu 68: Thu từ hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ của một đơn vị sự nghiệp nhà nước được xếp vào:**

a.  Nguồn kinh phí xây dựng cơ bản do nhà nước cấp

b.  Nguồn kinh phí thường xuyên do NSNN cấp

c.  Nguồn thu sự nghiệp

d.  Nguồn thu khác

**Câu 69: Dự trữ quốc gia được hình thành từ nguồn nào?**

a.  Đóng góp cá nhân

b.  Đóng góp của những người lao động

c.  Đóng góp của những người sử dụng lao động

d.  Ngân sách nhà nước

**Câu 70: Quỹ tài chính công ngoài NSNN là quỹ tiền tệ của ….?**

a.  Nhà nước

b.  Doanh nghiệp nhà nước

c.  Cơ quan quản lí hành chính nhà nước

d.  Đơn vị sự nghiệp nhà nước

**Câu 71: Nhận định nào sau đây là chinh xác?Quỹ tài chính công ngoài NSNN được xếp vào:**

a.  Nằm trong cân đối NSNN

b.  Năm ngoài cân đối NSNiN

c.  Một phần nằm trong cân đối NSNN, một phần nằm ngoài cân đối NSNN

d.  Hoặc nằm trong cân đối NSNN, hoặc nằm ngoài cân đối NSNN

**Câu 72: Chi sửa chữa nhỏ tài sản cố định của một đơn vị sự nghiệp nhà nước được xếp vào:**

a.  Chi đầu tư phát triển

b.  Chi xây dựng cơ bản

c.  Chi thường xuyên

d.  Chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ

**Câu 73: Nguồn tài chính ban đầu của các quỹ tài chính công đoàn NSNN được cấp như thế nào?**

a.  Được NSNN thế  nào?

b.  Được NSNN cấp một phần

c.  Được cấp toàn bộ hoặc một phần

d.  Không có moois quan hệ với NSSN

**Câu 74: Các quỹ tài chính công ngoài NSNN hoạt động**

a.  Vì mục tiêu lợi nhuận

b.  Vì mục tiêu phi lợi nhuận

c.  Có thể vì mục tiêu lợi nhuận hoặc phi lợi  nhuận

d.  Kết hợp hài hoà hai mục tiêu lợi nhuận và phi lợi nhuận

**Câu 75: Nhận định nào sau đây là chính xác?**

a.  Cơ chế quản lí quỹ tài chính công ngoài NSNN “ cứng nhắc” hơn so với cơ chế quản lí NSNN

b.  Cơ chế quản lí quỹ tài chính công ngoài NSNN “ linh hoạt” hơn so với cơ chế quản lí NSNN

c.  Cơ chế quản lí quỹ tài chính công  ngoài NSNN giống cơ chế quản lí NSNN

d.  Cơ chế quản lí quỹ tài chính công ngoài NSNN không có mối quan hệ với cơ chế quản lí NSNN

**Câu 76: Nguồn tài chính của quỹ dự trữ quốc gia:**

a.  Được NSNN cấp toàn bộ

b.  Được NSNN cấp một phần

c.  Do nhân dân đóng góp

d.  Do nhà nước vay của nước ngoài

**Câu 77: Dự trữ quốc gia được tiến hành thông qua phương thức**

a.  Dự trữ bằng hàng hoá b.  Dự trữ bằng tiền

c.  Chỉ A hoặc B

d.  Cả A và B

**Câu 78: Hàng hoá đưa vào dự trữ quốc gia là những loại hàng hoá**

a.  Khan hiếm

b.  Trong nước không sản xuất

c.  Chiến lược, thiết yếu và quan trọng theo quy định của phát triển

d.  Không thể mua được trên thị trường một cách bình thường

**Câu 79: Quản lí sử dụng Quỹ dự trữ quốc gia phải đảm bảo nguyên tắc**

a.  Sinh lợi

b.  An toàn

c.  Linh hoạt theo tín hiệu của thị trường

d.  Kết hợp hài hoà giữa mục tiêu lợi nhuận và phi lợi nhuận

**Câu 80: Bảo hiểm xã hội ở Việt Nam hiện nay:**

a.  Là một phương thức kinh doanh nhằm mục tiêu sinh lời

b.  Là một chính sách trong hệ thống an sinh xã hội của quốc gia

c.  Là quỹ do tư nhân quản lí

d.  Áp dụng bắt buộc cho tất cả người lao động

**Câu 81; Nhà nước tham gia bảo hiểm xã hội với tư cách là? Quỹ bảo hiểm xã hội**

a.  Đối tượng thụ hưởng

b.  Chủ thể quyết định

c.  Đối tác góp vốn

d.  Chủ thể sử dụng

**Câu 82: Thực chất của quỹ bảo hiểm xã hội là của:**

a.  Cơ quan nhà nước quản lí quỹ bảo hiểm xã hội

b.  Nhà nước

c.  Người lao động

d.  Người sử dụng lao động

**Câu 83: Bảo hiểm xã hội hoạt động theo nguyên tắc:**

a.  Tự nguyện

b.  Bắt buộc

c.  Lấy số đông bù số ít d.  Tất cả đều đúng

**Câu 84: Quan hệ tài chính trong hoạt động của bảo hiểm xã hội có tính chất:**

a.  Bồi hoàn

b.  Không bồi hoàn

c.  Chỉ A hoặc B

d.  Cả A và B

**Câu 85: Bảo hiểm xã hội là**

a.  Góp phần ổn định đời sống của người lao động tham gia bảo hiểm

b.  Góp phần đảm bảo an toàn xã hội

c.  Góp phần thực hiện công bằng xã hội

d.  Tất cả đều đúng

**Câu 86: Nguồn vốn nhàn rỗi của quỹ bảo hiểm xã hội**

a.  Được nộp vào ngân sách nhà nước

b.  Được phép sử dụng để đầu tư

c.  Không được phép sử dụng để đầu tư

d.  Được trả cho người lao động khi người lao động gặp rủi ro

**Câu 87: Quỹ bảo hiểm xã hội được hình thành là do:**

a.  NSNN cấp toàn bộ

b.  Sự đóng góp của người sử dụng lao động và người lao động

c.  Sự đóng góp của nhân dân d.  Nhà nước đi vay

**Câu 88: Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoạt động:**

a.  Vì mục tiêu lợi nhuận

b.  Vì mục tiêu phi lợi nhuận

c.  Kết hợp giữa mục tiêu lợi nhuận và mục tiêu phi lợi nhuận

d.  Cả A, B & C đều sai

**Câu 89: Nguồn vốn hoạt động của ngân hàng phát triển Việt Nam:**

a.  Do NSNN cấp toàn bộ

b.  Không có mối quan hệ với NSNN

c.  Một phần do NSNN cấp, một phần huy động trên thị trường

d.  Hoàn toàn có được nhờ đi vay

**Câu 90: Nguồn vốn nhàn rỗi của Ngân hàng phát triển Việt Nam**

a.  Được phép sử dụng để mua tín phiếu của Chính phủ

b.  Không được phép sử dụng để đầu tư

c.  Được nộp vào NSNN

d.  Được phép cho các chủ thể trong nền kinh tế vay

**Câu 91: Nhận định nào sau đây là chính xác**

a.  Bảo hiểm xã hội là cơ chế loại khả năng xảy ra rủi ro đối với người lao động

b.  Bảo hiểm xã hội bù đắp một phần thiệt hại về vật chất của người lao động

c.  Bảo hiểm xã hội luôn luôn bù đắp toàn bộ những thiệt hại về vật chất và tinh thần của người lao động khi rủi ro xảy ra

d.  Bảo hiểm xã hội chỉ có ý nghĩa đối với các nước đang phát triển

**Câu 92: Nhận định nào sau đây là chính xác?**

a.  NSNN cấp toàn bộ nguồn tài chính cho quỹ bảo hiểm xã hội

b.  NSNN cấp toàn bộ nguồn tài chính cho Ngân hàng phát triển Việt Nam

c.  NSNN cấp toàn bộ nguồn tài chính cho quỹ dự trữ quốc gia

d.  NSNN cấp toàn bộ nguồn tài chính cho quỹ bảo hiểm xã hội, Ngân hàng phát triển Việt Nam và quỹ dự trữ quốc gia

**Câu 93: XXX là việc nhà nước hỗ trợ một phần lãi suất cho chủ đầu tư vay vốn trên thị trường nhằm thực hiện đầu tư vào các dự án nằm trong danh mục hỗ trợ của nhà nước .**

a.  Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư

b.  Bảo lãnh tín dụng đầu tư

c.  Cho vay đầu tư

d.  Tín dụng xuất khẩu

**Câu 94: XXX là việc nhà nước cho các chủ đầu tư vay vốn thực hiện dự án**

a.  Tín dụng xuất khẩu

b.  Bảo lãnh tín dụng đầu tư

c.  Cho vay đầu tư

d.  Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư

**Câu 95: XXX là cam kết của cơ quan chức năng của nhà nước với tổ chức tín dụng cho vay vốn về việc trả nợ đầy đủ và đúng hạn của bên đi vay**

a.  Cho vay đầu tư

b.  Tín dụng xuất khẩu

c.  Bảo lãnh tín dụng đầu tư

d.  Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư

**Câu 96: Vốn cho vay của nhà nước**

a.  Hoàn toàn là vốn của NSNN được cân đối để cho vay đầu tư

b.  Không được lấy từ NSNN

c.  Hoàn toàn được huy động trên thị trường theo kế hoạch của Nhà nước

d.  Một phần được huy động trên thị trường

**Câu 97: Tín dụng nhà nước có đặc điểm khác biệt so với các hình thức tín dụng khác là:**

a.  Mang tính kinh tế

b.  Mang  tính chính trị

c.  Vừa mang tính kinh tế, và mang tính chính trị

d.  Cả A, B & C đều sai

**Câu 98: Lãi suất cho vay của tín dụng nhà nước thường:**

a.  Cao hơn so với lãi suất thị trường

b.  Thấp hơn so với lãi suất thị trường

c.  Bằng lãi suất thị trường

d.  Không có liên quan với lãi suất thị trường

**Câu 99: Nhà nước huy động vốn tín dụng nhằm phục vụ mục tiêu**

a.  Chi củng cố bộ máy nhà nước

b.  Chi đầu tư phát triển

c.  Chi cải cách hành chính

d.  Chi viện trợ quốc tế

**Câu 100: Trái phiếu chính phủ là một loại chứng khoán:**

a.  Xác nhận nghĩa vụ nợ của chủ đầu tư đối với nhà nước

b.  Xác nhận nghĩa vụ nợ của nhà nước đối với chủ đầu tư

c.  Không xác định rõ nghĩa vụ nợ của chủ thể nào

d.  Được nhà nước nắm giữ

**Câu 101: Trái phiếu Kho bạc Nhà nước do:**

a.  Kho bạc Nhà nước phát hành

b.  Bộ tài chính phát hành

c.  Tổ chức kinh tế – Tài chính Nhà nước phát hành

d.  Chính phủ phát hành

**Câu 102: Trái phiếu đầu tư do:**

a.  Kho bạc nhà nước phát hành

b.  Bộ tài chính phát hành

c.  Tổ chức kinh tế – tài chính nhà nước phát hành

d.  Chính phủ phát hành

**Câu 103: Trái phiếu ngoại tệ**

a.  Kho bạc Nhà nước phát hành

b.  Bộ Tài chính phát hành

c.  Tổ chức kinh tế – tài chính nhà nước phát hành

d.  Chính phủ phát hành

**Câu 104: Công trái do:**

a.  Kho bạc nhà nước phát hành

b.  Bộ Tài chính phát hành

c.  Tổ chức kinh tế – tài chính nhà nước phát hành

d.  Chính phủ phát hành

**Câu 105: Tín phiếu kho bạc có thời hạn vay:**

a.  Dài hơn trái phiếu kho bạc

b.  Bằng trái phiếu kho bạc

c.  Ngắn hơn trái phiếu kho bạc

d.  Không xác định rõ ràng

**Câu 106: So với vốn ODA, việc huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu Chính phủ trên thị trường vốn quốc tế có ưu điểm đó là:**

a.  Có thể vay được một khối lượng vốn lớn, với lãi suất thấp

b.  Có thể vay được một khối lượng vốn lớn, với thời hạn vay dài

c.  Không phải chấp nhận những điều kiện ràng buộc

d.  Có thể phải chấp nhận những điều kiện ràng buộc do các chủ đầu tư đưa ra

**Câu 107: Chủ thể tiếp nhận vốn ODA chủ yếu là các nước có:**

A. Thu nhập bình quân đầu người cao

B.  Thu nhập bình quân đầu người thấp

C. Không phải chấp nhận những điều kiện ràng buộc

D. Có thể phải chấp nhận những điều kiện ràng buộc do các chủ đầu tư đưa ra

**Câu 108: Chủ thể nào sau đây không cung cấp vốn ODA?**

a.  Các tổ chức quốc tế

b.  Các ngân hàng thương mại

c.  Các quốc gia

d.  Các tổ chức phi chính phủ

**Câu 109: Chủ thể nào sau đây cung cấp vốn ODA**

a.  Công ty đa quốc gia

b.  Công ty chứng khoán

c.  Công ty bảo hiểm

d.  Chính phủ các bước

**Câu 110: Một trong những đặc điểm của ODA**

a.  Có thời hạn vay ngắn

b.  Có thời hạn vay dài

c.  Có lãi suất như lãi suất thị trường

d.  Không có thời gian ân hạn

**Câu 111: Một trong những đặc điểm của ODA là:**

a.  Không có khả năng gây nợ cho nước tiếp nhận

b.  Nước tiếp nhận có thể phải chấp nhận những điều kiện ràng buộc do các nhà tài trợ đưa ra

c.  Nước tiếp nhận không có nghĩa vụ hoàn trả trong tương lai

d.  Nước tiếp nhận phải vay với lãi suất cao hơn lãi suất thị trường

**Câu 112: Theo quy định hiện hành, ngân hàng phát triển cho các chủ đầu tư vay tối đa  bằng bao nhiêu phần trăm tổng vốn đầu tư của dự án**

a.  100%          b.  85%            c.  70%            d.  50%

**Câu 113: Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là hoạt động nhà nước**

a.  Cho các chủ đầu tư  vay để thực hiện dự án

b.  Trả một phần nghĩa vụ nợ của chủ đầu tư

c.  Trả một phần nghĩa vụ nợ của chủ đầu tư khi chủ đầu tư không trả được nợ

d.  Trả một phần vốn gốc và lãi của chủ đầu tư khi chủ đầu tư không trả được nợ

**Câu 114: Bảo lãnh tín dụng đầu tư là cam kết của cơ quan nhà nước**

a.  Về khả năng trả nợ đầy đủ và đúng hạn của người đi vay đối với người cho vay

b.  Về việc hỗ trợ một phần nghĩa vụ nợ của người đi vay

c.  Về việc trả một phần nghĩa vụ nợ của người đi vay

d.  Về việc trả một phần nghĩa vụ nợ của người đi vay khi người đi vay không trả được nợ

**Câu 115: Nhận định nào sau đây là chính xác? Trong hình thức bảo lãnh tín dụng đầu tư nhà nước**

a.  Cần có nhiều vốn để cho các chủ đầu tư vay

b.  Cần có nhiều vốn để cấp cho các chủ đầu tư

c.  Có thể không có vốn nhưng vẫn đảm bảo cho các chủ đầu tư vay được vốn

d.  Giúp cho chủ đầu tư vay vốn với lãi suất thấp hơn lãi suất thị trường

**Câu 116: Đặc điểm của hình thức tín dụng cho vay đầu tư là nhà nước:**

a.  Dùng uy tín để đảm bảo cho các chủ đầu tư vay vốn

b.  Không cần có vốn nhưng vẫn đảm bảo cho các chủ đầu tư vay được vốn

c.  Cần có nhiều vốn để cho các chủ đầu tư vay

d.  Cần có nhiều vốn để cấp cho các chủ đầu tư

**Câu 117: Tín dụng nhà nước hoạt động trên nguyên tắc nào?**

a.  Lợi nhuận

b.  Phi lợi nhuận

c.  Kết hợp hài hoà giữa mục tiêu lợi nhuận và phi lợi nhuận

d.  Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Câu 118: Lãi suất huy động của tín dụng nhà nước trên thị trường vốn thường**

a.  Ở mức cao nhất của thị trường

b.  Ngang với lãi suất trung bình của thị trường

c.  Thấp hơn lãi suất trung bình của thị trường

**Câu 119: Đặc điểm của hình thức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là gì?**

a.  Nhà nước trực tiếp giám sát quá trình sử dụng vốn

b.  Dùng uy tín của mình để đảm bảo cho các chủ đầu tư vay được vốn

c.  Hỗ trợ một phần nghĩa vụ trả nợ của chủ đầu tư nếu chủ đầu tư không trả được nợ đúng hạn và đầy đủ

d.  Thực hiện nghĩa vụ thay cho chủ đầu tư nếu chủ đầu tư không trả được nợ đúng hạn và đầy đủ

**Câu 121: Đặc trưng cơ bản nhất của Tài chính công và Tài chính Nhà nước là không vì mục đích lợi nhuận**

a.  Đúng                                               b.  Sai

**Câu 122: Hoạt động đầu tư của Tài chính nhà nước hoàn toàn giống các hoạt động đầu tư thông thường khác:**

a.  Đúng                                               b.  Sai

**Câu 123: Tài chính nhà nước tổng hợp chiếm vị trí quan trọng nhất trong tài chính nhà nước**

a.  Đúng                                               b.  Sai

**Câu 124: Tài chính nhà nước tổng hợp chỉ gắn với bộ máy chính quyền nhà nước trung ương**

a.  Đúng                                               b.  Sai

**Câu 125: Vai trò đảm bảo điều kiện vật chất để thực hiện các chức năng nhiệm vụ của nhà nước trong mọi thời kì của tài chính nhà nước là hoàn toàn giống nhau**

a.  Đúng                                               b.  Sai

**Câu 126: Ngân sách nhà nước xuất hiện đồng thời với tài chính nhà nước**

A Đúng                                                B sai

**Câu 127: Ngân sách nhà nước là bộ phận xuất hiện đầu tiên của Tài chính nhà nước tổng hợp**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 128: Hình thức của Ngân sách nhà nước là bảng dự toán thu chi bằng tiền của nhà nước cho một khoảng thời gian nhất định nào đó, thường là 1 năm**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 129: Nội dung vật chất của ngân sách nhà nước là quỹ tiền tệ không tập trung của nhà nước**

A Đúng                                                            B Sai

**Câu 130: Ngân sách nhà nước luôn luôn chỉ là của chính quyền nhà nước trung ương**

A Đúng                                                            B Sai

**Câu 131: Ngân sách nhà nước là khâu cơ bản, chủ đạo của tài chính nhà nước**

A Đúng                                                            B Sai

**Câu 132: Ngân sách nhà nước ta hiện nay giồm có ngân sách trung ương và ngân sách địa phương**

A Đúng                                                            B Sai

**Câu 133: Thu NSNN là một trong hai nội dung cơ bản của hoạt động NSNN**

A Đúng                                                            B Sai

**Câu 134: Tất cả các khoản thu vào NSNN đều phải được phản ánh dưới dạng tiền tệ**

A Đúng                                                            B Sai

**Câu 135: Doanh thu, thu nhập, lợi nhuận của doanh nghiệp đều là những nguồn thu trực tiếp của NSNN**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 136: Thu nhập của NSNN chỉ phụ thuộc vào một yếu tố duy nhất là quy mô nguồn thu**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 137: Thu nhập của NSNN hoàn toàn độc lập với nguồn thu**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 138: Tỷ lệ thu ngân sách là hoàn toàn giống nhau giữa  các quốc gia**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 139: Các nước đang phát triển có tỷ lệ thu ngân sách cao nhất**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 140: Khi tỷ lệ thu ngân sách đạt 100% thì số thu của NSNN là lớn nhất**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 141: Hiện nay tại các kì thi tuyển sinh, các trường được phép thu lệ phí tuyển sinh. Gọi khoản thu như vậy là:**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 142: Chi NSNN thể hiện rõ rệt mục tiêu hoạt động của NSNN**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 143: Chi NSNN chủ yếu là cấp phát không hoàn lãi**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 144: Chi NSNN ta gồm có: Chi thường xuyên và Chi đầu tư**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 145: Năm ngân sách ở tất cả các nước trên thế giới đều có thời điểm bắt đầu và kết thúc giống nhau**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 146: Cân đối ngân sách là mọi nơi, mọi lúc Thu và Chi ngân sách phải luôn bằng nhau**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 147: Mọi lại thâm hụt ngân sách đều nguy hiểm và tồi tệ**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 148:Các quỹ tiền tệ thuộc tài chính nhà nước chỉ trực thuộc một chủ thể cụ thể duy nhất**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 149: Tín dụng nhà nước tồn tại ở cả các nước đang phát triển và phát triển**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 150: NSNN phải đảm bảo 100% kinh phí để duy trì sự tồn tại và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp nhà nước**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 151: Đơn vị sự nghiệp nhà nước thực hiện quyền hành pháp:**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 152: Mức kinh phí giao cho cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện chế độ tự chủ tài chính không được phép điều chỉnh, đúng hay sai?**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 153: Mức hưởng bảo hiểm xã hội được tính dựa trên cơ sở mức đóng, thời gian đóng bảo hiểm xã hội**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 154: Các quỹ tài chính công ngoài NSNN đều có quy mô lớn hơn so với NSNN**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 155: Các quỹ tài chính công ngoài NSNN đều có quy mô lớn hơn so với NSNN**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 156: Hoạt động của quỹ tài chính công ngoài NSNN có tính ổn định, thường xuyên**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 157: Diện tác động của quỹ tài chính công ngoài NSNN nhỏ hơn so với NSNN**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 158: Nguồn hình thành tín dụng nhà nước có thể được huy động từ bên ngoài quốc gia**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 159: Tài chính Nhà nước và Tài chính công là 2 cách phân loại khác nhau về tài chính**

A Đúng                                                B Sai

**Câu 160: Năm ngân sách luôn có độ dài bằng với năm tự nhiên**

A Đúng                                                B Sai